**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HCM** Ngày thi:………………………………………

**KHOA Y**  Họ và tên SV: ……………….......…………..

**BỘ MÔN NHI** Lớp ……………… Tổ ……………..........…...

**BẢNG KIỂM LƯỢNG GIÁ Y6 HẾT ĐỢT 8 TUẦN TẠI KHOA HÔ HẤP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kỹ năng lâm sàng:** (quan sát trực tiếp lúc thi) | **Điểm** |
| 1. **Hỏi bệnh sử**  * Thời điểm bắt đầu bệnh * Khai thác được thứ tự các triệu chứng: ho, chảy mũi, khàn tiếng, khò khè, thở rít, khó thở … theo thời gian * Khai thác được tính chất của các triệu chứng cơ năng trên * Khai thác được các triệu chứng khác: dấu hiệu nguy hiểm toàn thân, sốt, tiêu chảy, đau/chảy mủ tai… * Khai thác được điều trị của tuyến trước và đáp ứng với điều trị này   **Tổng cộng** | 1  1  1  1  1  **/5đ** |
| 1. **Hỏi tiền căn**  * Sản khoa:   + Con thứ mấy?   + Sinh thường/khó/mổ   + Non/đủ/già tháng   + Cân nặng lúc sinh * Chủng ngừa * Tiêm chủng mở rộng: lao, viêm gan B, BH, HG, UV, BL, HiB, Sởi * Dịch vụ: đủ các mũi theo đúng tuổi của trẻ * Dinh dưỡng: * Bú mẹ/ sữa công thức * Ăn dặm * Chế độ ăn trước khi bệnh * Chế độ ăn trong khi bệnh * Phát triển tâm vận * Tâm thần: bình thường/bất thường theo tuổi * Vận động: bình thường/bất thường theo tuổi * Bệnh lý   + Bản thân: dị ứng, bệnh lây, bệnh không lây   + Gia đình: dị ứng, bệnh lây, bệnh không lây   **Tổng cộng** | 0.25  0.25  0.25  0.25  0.5  0.5  0.25  0.25  0.25  0.25  0.5  0.5  0.5  0.5  **/5đ** |
| 1. **Khám**  * Đầy đủ, toàn diện (đầu mặt cổ, ngực, bụng, cơ quan sinh dục, tứ chi) * Hô hấp: (khám đúng và phát hiện đủ các triệu chứng bất thường) * Nhìn: * Môi, đầu chi: hồng / tái / tím * Đếm nhịp thở trong 1 phút   + Rút lõm lồng ngực   + Co kéo cơ hô hấp phụ: thẳng bụng, liên sườn, hõm trên & dưới ức, cơ ức đòn chủm, cơ má, cơ cánh mũi * Sờ: rung thanh bình thường / tăng / giảm * Gõ: bình thường / vang / đục * Nghe: * Tiếng thở rít / khò khè / nghẹt mũi / ứ đọng đàm * Ran: nổ mịn/thô, ngáy, rít   **Tổng cộng** | 2  1  1  1  1  1  1  1  1  **/10đ** |
| 1. **Đọc & biện luận xét nghiệm CLS**  * Công thức máu * Sinh hóa * Vi sinh * Khí máu (thông khí, oxy hóa máu, rối loạn toan kiềm) * X quang phổi:   + Chất lượng phim, tư thế bệnh nhân, thứ tự từ ngoài vào trong   + Hội chứng màng phổi   + Hội chứng phế quản   + Hội chứng phế nang   + Hội chứng mô kẽ   **Tổng cộng** | **Điểm**  1  1  1  3  1  1  1  1  **/10đ** |
| 1. **Chẩn đoán**  * Chẩn đoán sơ bộ (bệnh chính, bệnh đi kèm, bệnh nền, biến chứng) * Chẩn đoán phân biệt (bệnh chính, bệnh đi kèm, bệnh nền, biến chứng) * Biện luận lâm sàng (cho từng chẩn đoán phân biệt) * Chẩn đoán xác định (bệnh chính, bệnh đi kèm, bệnh nền, biến chứng)   **Tổng cộng** | 5  5  5  5  **/20đ** |
| 1. **Điều trị**  * Điều trị đặc hiệu * Điều trị hỗ trợ * Điều trị triệu chứng   **Tổng cộng** | 10  5  5  **/20đ** |
| **Tình huống lâm sàng (Tiêu hóa, Huyết học, Thận, Tim mạch, Sơ sinh, Nhiễm-Thần kinh)**   1. Tình huống 1 2. Tình huống 2   **Tổng cộng** | /15đ  /15đ  **/30đ** |

**Điểm tổng cộng: /100đ**

Giám khảo 1 Giám khảo 2